

QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 82/QĐ-VCN-KHĐT&HTQT ngày 20 tháng 3 năm 2023 của
Viện trưởng Viện Chăn nuôi)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định chung về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ.

2. Quy chế này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo Viện Chăn nuôi, bao gồm: Tuyển sinh; Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; Nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; Luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; Thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; Khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

3. Quy chế này áp dụng đối với nghiên cứu sinh, giảng viên, người hướng dẫn và cán bộ quản lý của Viện Chăn nuôi thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Viện Chăn nuôi (sau này gọi tắt là Viện) ban hành, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành như sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 136 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ và tối thiểu 150 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định

số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định về chuẩn chương trình đào tạo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kết cấu chương trình đào tạo gồm: Các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ: Căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu đáp ứng yêu cầu ngành phù hợp, Thủ trưởng cơ sở đào tạo xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung. Đối với các nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ ở nước ngoài và các nghiên cứu sinh thuộc ngành phù hợp (đối tượng quy định tại Điểm b, Khoản 7, Điều 2 trong Quy chế này) căn cứ vào kết quả bảng điểm các môn học, thường trực Hội đồng Khoa học - Đào tạo sẽ xem xét đề tham mưu Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định môn học và khối lượng tín chỉ cần bổ sung.

b) Đối với nghiên cứu sinh có đầu vào ở trình độ đại học: Các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành chăn nuôi, trừ học phần ngoại ngữ và luận văn, có khối lượng kiến thức tối thiểu là 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (*bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn*) nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

b) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

c) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Nghiên cứu sinh phải hoàn thành ít nhất 02 học phần môn học bắt buộc (*tương đương 06 tín chỉ*); 01 học phần môn học tự chọn (*tương đương 02 tín chỉ*) đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ; Nghiên cứu sinh phải hoàn thành ít nhất 04 học phần môn học bắt buộc (*tương đương 12 tín chỉ*); 05 học phần môn học tự chọn (*tương đương 10 tín chỉ*) đối với nghiên cứu sinh trình độ có đầu vào đại học.

- Tiểu luận tổng quan (*tương đương 02 tín chỉ*) và 02 chuyên đề tiến sĩ (*tương đương 04 tín chỉ*) do Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định là những học phần bắt buộc;

- Nghiên cứu sinh hoàn thành buổi Hội thảo (Seminar) góp ý hoàn thiện luận án tiến sĩ tại Đơn vị chuyên môn (*tương đương 02 tín chỉ*);

- Luận án tốt nghiệp tương đương 120 tín chỉ.

d) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện có danh mục các định hướng theo chủ đề của từng ngành và yêu cầu nội dung cần trình bày theo mỗi chủ đề nghiên cứu sinh lựa chọn tùy theo nội dung đề tài luận án của mình (*xem danh mục định hướng theo chủ đề của từng ngành trong phần phụ lục*). Tùy thuộc nội dung đề tài luận án nghiên cứu sinh và thầy hướng dẫn có thể chọn tên chuyên đề nằm ngoài danh mục.

5. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của nghiên cứu sinh.

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành tối thiểu một Semina Hội thảo khoa học. Semina Hội thảo khoa học là buổi sinh hoạt học thuật tại Đơn vị chuyên môn, trong đó nghiên cứu sinh trình bày các kết quả nghiên cứu xoay quanh nội dung đề tài luận án của mình. Buổi sinh hoạt có sự tham gia của người hướng

dẫn khoa học, các giảng viên, nhà khoa học cùng chuyên môn trong và ngoài Viện.

6. Cơ sở đào tạo được sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Luật giáo dục đại học.

7. Quy định về ngành phù hợp:

a) Chăn nuôi, thú y, chăn nuôi thú y

b) Công nghệ sinh học, môi trường, phát triển nông thôn, sư phạm kỹ thuật (nông nghiệp).

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo của trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng) do Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định. Mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (*Phụ lục I*).

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (*12 tháng*), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (*72 tháng*) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho cơ sở đào tạo, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện của cơ sở đào tạo.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (*được sửa đổi, bổ sung năm 2018*) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực *chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học* (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (*sau đây gọi chung là tác giả chính*).

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (*sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus*) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí

khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (*không chia điểm khi có đồng tác giả*);

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại cơ sở đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (*được sửa đổi, bổ sung năm 2018*), theo quy chế của cơ sở đào tạo và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy chế của cơ sở đào tạo.

4. Quy định số giờ chuẩn cho người hướng dẫn nghiên cứu sinh và giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ đáp ứng các quy định tại Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 và Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với việc tính giờ chuẩn cho người hướng dẫn nghiên cứu sinh, căn cứ kết quả thời gian hoàn thành luận án của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn 1 được tính bằng 70% và người hướng dẫn 2 được tính bằng 30% của tổng số giờ chuẩn trong năm đã hướng dẫn nghiên cứu sinh đó.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp;

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đã công bố đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc thạc sĩ do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục III của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Các chứng chỉ ngoại ngữ tại Phụ lục III do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Người dự tuyển là các ứng viên trong diện Đề án 89 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với ngành đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cho cơ sở đào tạo.

Điều 8. Tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

1. Số lần tuyển sinh trong năm: 01 lần hoặc nhiều lần.

2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển trực tiếp hoặc cơ sở đào tạo được tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến. Tuyển sinh phải bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển. Tuyển sinh theo hình thức trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

3. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang website của cơ sở đào tạo (<https://vcn.org.vn>) và gửi đến các cơ quan ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh, trong đó nêu rõ:

- a) Thông tin về đối tượng và điều kiện dự tuyển;
- b) Ngành dự tuyển và ngành phù hợp;
- c) Chỉ tiêu tuyển sinh;
- d) Hồ sơ dự tuyển;
- đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;
- e) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có);
- g) Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

4. Tổ chức tuyển sinh

Trên cơ sở quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 34 Luật giáo dục đại học, Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định:

a) Hội đồng tuyển sinh

* Thủ trưởng cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng tuyển sinh hàng năm. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Thủ trưởng cơ sở đào tạo.
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Thủ trưởng cơ sở đào tạo phụ trách công tác đào tạo.
- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT.
- Các ủy viên: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Kế hoạch
- Tài chính, các trưởng hoặc phó các đơn vị chuyên môn trực thuộc Viện, các chuyên gia của các chuyên ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển. Các ủy viên thuộc các đơn vị chuyên môn phải có học hàm Giáo sư, Phó giáo sư hoặc học vị Tiến sĩ.
- Các trường hợp khác sẽ do Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định.
- Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

* Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Thông báo tuyển sinh, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và làm thủ tục đề nghị Thủ trưởng cơ sở đào tạo công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; báo cáo kịp thời kết quả tuyển sinh cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy chế này.

- Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy chế này; thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và giám sát nội bộ theo quy định hiện hành, đảm bảo việc tuyển sinh được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có năng lực, có triển vọng nghiên cứu và có khả năng hoàn thành tốt đề tài luận án.

- Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

b). Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

* Thành phần của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do uỷ viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và 1 đến 2 uỷ viên.

* Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển.

- Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh.

- Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp kết quả trình Hội đồng tuyển sinh xem xét.

- Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho các thí sinh dự tuyển.

* Trách nhiệm của Trưởng Ban Thư ký:

Chịu trách nhiệm trước chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

c) Tiểu ban chuyên môn

Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của thí sinh, trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT đề xuất các Tiểu ban chuyên môn và các thành viên xét tuyển nghiên cứu sinh trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định.

Mỗi Tiểu ban chuyên môn gồm ít nhất 05 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu sâu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là cán bộ trong và ngoài Viện. Tiểu ban có 1 Trưởng tiểu ban, thư ký và các thành viên. Trong tiểu ban chuyên môn có một người dự kiến là người hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển.

Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm giúp Hội đồng tuyển sinh đánh giá hồ sơ, năng lực và đề cương nghiên cứu của thí sinh, xếp loại thí sinh dự tuyển theo thang điểm được quy định tại Quy chế này.

d) Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh:

* Quy trình xét tuyển: Đánh giá xét tuyển nghiên cứu sinh của Viện Chăn nuôi gồm 3 phần với thang điểm 100 trong đó:

- Đánh giá hồ sơ (40 điểm): Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển được thể hiện qua: kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; chuyên ngành học thạc sĩ, trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn.

- Bài luận và kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh (30 điểm)

- Đánh giá đề cương dự định nghiên cứu (30 điểm)

Đề cương dự định nghiên cứu là sự cụ thể hoá ý tưởng, hướng nghiên cứu của bài luận về dự định nghiên cứu, các thành viên tiểu ban chuyên môn cần đặt câu hỏi hoặc thảo luận với ứng viên để tìm thấy tính mới của đề tài, phương pháp mà ứng viên tiếp cận với đề tài, đề tài phải thể hiện đúng với chuyên ngành khoa học mà Viện được giao, có bị trùng lặp với đề tài khác không? Các nội dung nghiên cứu cần thiết để đảm bảo dung lượng của luận án tiến sĩ và đáp ứng được mục tiêu của đề tài. Kết luận của tiểu ban là cơ sở bắt buộc để nghiên

cứu sinh cần bổ sung, chỉnh sửa và tuân thủ trong suốt quá trình làm luận án.

* Căn cứ vào các phiếu đánh giá điểm, thư ký tiểu ban tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên. Điểm của một thí sinh là tổng điểm của ba phần trên. Kết quả đánh giá được chuyển về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh để tổng hợp xếp loại. Dựa trên cơ sở ý kiến của tiểu ban xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh đề xuất Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định về hướng nghiên cứu, thầy hướng dẫn khoa học và đơn vị chuyên môn.

* Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc cơ sở đào tạo phê duyệt cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh từ cao xuống thấp. Các thí sinh trúng tuyển phải có tổng số điểm trung bình tối thiểu là 75 điểm. Ban thư ký lập danh sách các thí sinh trúng tuyển và trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo ký các Quyết định về công nhận nghiên cứu sinh, giao đề tài luận án, thầy hướng dẫn khoa học và đơn vị chuyên môn.

5. Công nhận nghiên cứu sinh:

Thủ trưởng cơ sở đào tạo ký các Quyết định công nhận nghiên cứu sinh; Giao đề tài luận án và Người hướng dẫn khoa học; Giao nghiên cứu sinh về Đơn vị chuyên môn. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh có đầy đủ thông tin bao gồm: Tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh. Quyết định Giao đề tài luận án và Người hướng dẫn khoa học có đầy đủ tên đề tài luận án, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này ở trụ sở chính, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài cơ sở đào tạo.

2. Các cơ sở đào tạo được thỏa thuận để tổ chức giảng dạy những học phần học chung và công nhận kết quả học tập lẫn nhau.

3. Cơ sở đào tạo được tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

4. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học.

5. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại cơ sở đào tạo, nơi nghiên cứu sinh đang theo học. Trong trường hợp cơ sở đào tạo không đào tạo chương trình có học phần cần bổ sung cho nghiên cứu sinh thì gửi nghiên cứu sinh theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa các cơ sở đào tạo.

Điều 10. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn được đề xuất với cơ sở đào tạo về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi đơn vị chuyên môn và chuyển cơ sở đào tạo. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của cơ sở đào tạo ở mức độ buộc thôi học.

3. Những thay đổi trong quá trình đào tạo:

a) Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1, Điều 2 của Quy chế này, cụ thể như sau:

- Việc điều chỉnh tên đề tài luận án, mà không thay đổi mục tiêu và nội dung nghiên cứu, thì căn cứ biên bản của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở, Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định điều chỉnh.

- Việc thay đổi mục tiêu, nội dung của đề tài luận án thì phải thông qua Hội đồng chuyên môn, được thực hiện trong thời gian 2 năm đầu của quá trình đào tạo. Căn cứ biên bản của Hội đồng chuyên môn, Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định.

b) Việc bổ sung, thay đổi người hướng dẫn khoa học hoặc thay đổi đơn vị chuyên môn được thực hiện trong thời gian 2 năm đầu của quá trình đào tạo, trong trường hợp bất khả kháng do Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định.

c) Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, Thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do Thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

d) Trường hợp nghiên cứu sinh quá hạn và còn trong thời gian được phép bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu được 3 nhà khoa học độc lập đánh giá vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học, được người hướng dẫn và Thủ trưởng cơ sở đào tạo đồng ý.

4. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a) Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua trong thời gian quy định tại khoản 1 Điều 3;

b) Trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì trước khi hết hạn nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập (*có ý kiến của người hướng dẫn khoa học và đơn vị chuyên môn, Lãnh đạo Phòng Khoa học Đào tạo & HTQT và Thủ trưởng cơ sở đào tạo*). Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng. Số lần gia hạn tối đa không quá 2 lần, thời gian gia hạn tối đa mỗi lần không quá 12 tháng. Trong thời gian gia hạn nghiên cứu sinh phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính do cơ sở đào tạo quy định.

Điều 11. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) Nghiên cứu sinh bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;

b) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của cơ sở đào tạo đã theo học.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Quy chế của cơ sở đào tạo quy định chi tiết về thời hạn bảo lưu, thành phần hội đồng chuyên môn, quy trình thực hiện việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo

Nghiên cứu sinh có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (*được sửa đổi, bổ sung năm 2018*).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn; đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn.

4. Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

5. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

6. Nghiên cứu sinh phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của cơ sở đào tạo, kể cả thời gian xin gia hạn.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn

Đơn vị chuyên môn có quyền và trách nhiệm sau:

1. Đề xuất người hướng dẫn nghiên cứu sinh có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án.

2. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh; triển khai đánh giá luận án của nghiên cứu sinh tại đơn vị chuyên môn; thông qua đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

4. Hàng năm, đơn vị chuyên môn phối hợp với thầy hướng dẫn và Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT tổ chức kiểm tra thực địa nơi nghiên cứu sinh đang tiến hành đề tài luận án ít nhất 1 lần trong năm.

5. Thực hiện quyền và các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định

Chương IV

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 14. Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn

1. Điều kiện đề luận án được đưa ra đánh giá tại đơn vị chuyên môn (đánh giá luận án cấp cơ sở) được tổ chức khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ những yêu cầu sau:

a) Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở đơn vị chuyên môn;

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

2. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 5, Điều 2 của Quy chế này và quy định của Thủ trưởng cơ sở đào tạo về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (*theo mẫu quy định*).

b) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

- Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (*nếu có*);

- Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

- Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

3. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn (Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở) là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần. Luận án được hoàn thiện trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh và những người quan tâm có quyền tham gia (*trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật*).

4. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, quy trình và phương thức đánh giá, số lượng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của những nhà khoa học được mời nhận xét luận án; đáp ứng các quy định sau:

- Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học và tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có tối đa 5 thành viên là cán bộ khoa học của Viện; ít nhất có 2 thành viên ở ngoài Viện, 01 người hướng dẫn khoa học của nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai giới thiệu luận án và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng là người có năng lực và chuyên môn phù hợp với chuyên ngành của luận án.

- Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng đọc luận án, viết nhận xét và gửi về cơ sở đào tạo trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án. Người giới thiệu luận án là người am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án, đọc và có bản nhận xét về dự thảo luận án của nghiên cứu sinh.

- Bản nhận xét giới thiệu luận án nêu rõ: Ý nghĩa khoa học của đề tài luận án; Sự hợp lý và độ tin cậy của các phương pháp nghiên cứu; Đánh giá các kết quả đạt được, nêu lên những đóng góp mới và giá trị của những đóng góp đó; Những ưu điểm và thiếu sót, những điểm cần bổ sung và sửa chữa; Nhận xét về chất lượng các bài báo khoa học đã được công bố của nghiên cứu sinh; Khẳng định các bài báo phản ánh các nội dung chủ yếu của luận án hay chưa; Kết luận của bản nhận xét cần nêu rõ nội dung và hình thức của luận án có đáp ứng yêu

cầu một luận án tiến sĩ hay không và có đủ điều kiện để bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện hay chưa.

- Hội đồng không đủ điều kiện để tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- + Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- + Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- + Vắng mặt người giới thiệu luận án có ý kiến không tán thành luận án;
- + Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- + Vắng mặt nghiên cứu sinh;
- + Nghiên cứu sinh chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với cơ sở đào tạo.

- Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở giới thiệu và thông qua danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh và trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định, đảm bảo luận án được phổ biến đến tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án.

- Việc đánh giá luận án cấp cơ sở tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh.

- Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp cơ sở:

+ Đại diện cơ sở đào tạo tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở của Thủ trưởng cơ sở đào tạo;

+ Chủ tịch Hội đồng điều khiển buổi họp, công bố số lượng thành viên của Hội đồng và các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án;

+ Nghiên cứu sinh trình bày nội dung luận án (không hạn chế thời gian);

+ Hai người giới thiệu luận án đọc nhận xét;

+ Các thành viên hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa;

- + Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi và các ý kiến trao đổi;
- + Hội đồng họp riêng. Từng thành viên hội đồng phải ghi rõ tán thành hay chưa tán thành đề luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện (theo mẫu) . Dựa vào nhận xét của các thành viên, Hội đồng thảo luận đề thông qua kết luận của Hội đồng;
- + Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng.
- Kết luận của Hội đồng cần khẳng định:
 - + Tên đề tài luận án có phù hợp với nội dung và mã số chuyên ngành.
 - + Có trùng lặp về đề tài và nội dung với các luận án đã bảo vệ hay không.
 - + Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.
 - + Những kết quả mới đã đạt được.
 - + Những thiếu sót của luận án, vấn đề cần bổ sung, sửa chữa.
 - + Mức độ đáp ứng yêu cầu của luận án tiến sĩ về cả nội dung và hình thức theo Quy chế.
 - + Kết luận: đề nghị Viện cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện hay chưa.
- Biên bản buổi đánh giá luận án ghi rõ:
 - + Thành viên hội đồng có mặt (*họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc, trách nhiệm trong Hội đồng*).
 - + Khách tham dự (*họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc*).
 - + Chi tiết diễn biến buổi bảo vệ, các ý kiến trao đổi, phát biểu của thành viên hội đồng và khách mời (*ghi rõ họ tên, học vị, chức danh khoa học của người hỏi*) và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi.
 - + Đề nghị về việc điều chỉnh tên đề tài hoặc đổi mã số nếu cần thiết. Trên cơ sở đó Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét ra quyết định.
- Chậm nhất là 3 tháng sau ngày đánh giá luận án cấp cơ sở nghiên cứu sinh phải hoàn chỉnh luận án và hồ sơ nộp cơ sở đào tạo. Trường hợp quá 3 tháng nghiên cứu sinh chưa hoàn chỉnh luận án và hồ sơ phải có lý do hợp lý và

được Thủ trưởng cơ sở đào tạo chấp thuận.

b) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện khi có tối thiểu ba phần tư số thành viên trong Hội đồng có mặt đồng ý tán thành, ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (*ghi trong phiếu nhận xét luận án*).

c) Sau khi luận án được hội đồng đánh giá thông qua, nghiên cứu sinh phải làm báo cáo giải trình về việc hoàn thiện luận án theo các ý kiến của hội đồng. Bản giải trình phải được xác nhận của chủ tịch hội đồng, giới thiệu luận án, thầy hướng dẫn khoa học và lãnh đạo Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT.

Điều 15. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, cơ sở đào tạo phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của cơ sở đào tạo, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, cơ sở đào tạo gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02

người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, cơ sở đào tạo yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của cơ sở đào tạo. Những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho cơ sở đào tạo và trình bày tại buổi bảo vệ luận án.

5. Cơ sở đào tạo quy định cụ thể quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; việc bảo mật danh tính và thông tin cá nhân của người phản biện độc lập. Quy định về tổ chức phản biện độc lập luận án tiến sĩ của cơ sở đào tạo Viện Chăn nuôi được ban hành kèm theo Quyết định số 110/QĐ-VCN-ĐTTT ngày 18/03/2016 của Viện trưởng Viện Chăn nuôi.

Điều 16. Đánh giá luận án tại cơ sở đào tạo (Hội đồng đánh giá cấp Viện)

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập;

c) Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liên chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo được quy định chi tiết tại quy chế của cơ sở đào tạo, bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng từ 05 đến 07 người, trong đó, số thành

viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu là 02 người;

b) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, ủy viên thư ký, các ủy viên phản biện (2-3 *phản biện*) và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là người của cơ sở đào tạo và 1-2 phản biện là người ngoài cơ sở đào tạo; phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án; 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 5 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng.

3. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập, cơ sở đào tạo phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh do cơ sở đào tạo quyết định bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo tại website: <https://vcn.org.vn> (*trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật*);

b) Không tổ chức buổi đánh giá luận án khi thành viên Hội đồng có mặt dưới 5 người hoặc vắng mặt quá 01 người, thành viên vắng mặt không phải là chủ tịch hội đồng hoặc thư ký hội đồng hoặc phản biện có ý kiến không tán thành;

c) Trường hợp cơ sở đào tạo tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng nghiên cứu sinh; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do cơ sở đào tạo

thực hiện; nghiên cứu sinh và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

4. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại cơ sở đào tạo.

5. Quy chế của cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc đánh giá luận án trong đó bao gồm: yêu cầu đối với nghiên cứu sinh trước khi đánh giá luận án; quy trình thành lập Hội đồng đánh giá luận án, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng; việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng và quy trình tổ chức đánh giá luận án trực tuyến và trực tiếp của cơ sở đào tạo.

Điều 17. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì cơ sở đào tạo phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo minh chứng và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với nghiên cứu sinh, riêng các yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14 của Quy chế này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được cơ sở đào tạo xác nhận.

3. Cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy định bảo mật của pháp luật.

Điều 18. Đánh giá lại luận án tại cơ sở đào tạo

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng

được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, cơ sở đào tạo quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Quy chế của cơ sở đào tạo quy định chi tiết thời gian, quy trình, thủ tục đối với việc đánh giá luận án lần thứ hai. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

Điều 19. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo đồng ý thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho cơ sở đào tạo (*cả bản in và bản điện tử*) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (*nếu có*);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (*cả bản điện tử và bản in*) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của cơ sở đào tạo.

2. Cơ sở đào tạo đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo <https://vcn.org.vn/> (*trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật*) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, cơ sở đào tạo tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Cơ sở đào tạo lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến

sĩ, bao gồm:

- a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi đánh giá luận án cấp Viện;
- b) Nghị quyết đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;
- c) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự bảo vệ;
- d) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên của Hội đồng;
- đ) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;
- e) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh;
- f) Bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);
- g) Giấy biên nhận luận án của Thư viện Viện Chăn nuôi và Thư viện quốc gia Việt Nam.
- h) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ.
- i) Bản in các kết quả nghiên cứu và những đóng góp mới của luận án trên trang Web của cơ sở đào tạo (<https://vcn.org.vn>).

Hồ sơ này được lưu trữ lâu dài tại Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế - Viện Chăn nuôi.

5. Cơ sở đào tạo thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương V

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 20. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và những quy định có liên quan;

b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận nghiên cứu sinh; hồ sơ buổi đánh giá luận án tại cơ sở đào tạo; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;

b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của cơ sở đào tạo;

b) Cơ sở đào tạo gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với cơ sở đào tạo trong thời gian tối đa 60 ngày.

Điều 21. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do cơ sở đào tạo cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo được áp dụng cho nghiên cứu sinh theo quy định;

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do cơ sở đào tạo cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Quy chế này và quy chế của cơ sở đào tạo được áp dụng cho nghiên cứu sinh;

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, cơ sở đào tạo có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; uỷ quyền cơ sở đào tạo tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này;

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

đ) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, cơ sở đào tạo tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội

đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, cơ sở đào tạo xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, cơ sở đào tạo cho phép nghiên cứu sinh bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận nghiên cứu sinh và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại cơ sở đào tạo; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy chế này; luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, cơ sở đào tạo có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Chương VI

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Tố cáo.

Điều 23. Thanh tra, kiểm tra

1. Trong trường hợp có khiếu nại, Ban Thanh tra nhân dân thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm: Công tác tuyển sinh; công tác quản lý và hoạt động đào tạo; chương trình đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá luận án; cấp bằng tiến sĩ;

3. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Ban Thanh tra nhân dân báo cáo Viện trưởng bằng văn bản.

Điều 24. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, gửi phản biện độc lập, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Ban Thanh tra Nhân dân có văn bản đề nghị Viện trưởng xử lý.

2. Thu hồi bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Bị phát hiện gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;

b) Bị phát hiện sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu bỏ những phần này ra thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 16 của Quy chế này.

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 21 của Quy chế này.

3. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Xây dựng và thực hiện quy chế của cơ sở đào tạo

1. Căn cứ Quy chế này và những quy định hiện hành khác có liên quan, cơ sở đào tạo có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế của cơ sở đào tạo; cụ thể hóa với yêu cầu ngang bằng hoặc cao hơn nhưng không trái với những quy định của Quy chế này;

b) Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

c) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

d) Tăng cường liên chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại cơ sở đào tạo;

đ) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

e) Có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra hằng năm việc thực hiện quy

chế của cơ sở đào tạo về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ;

g) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho nghiên cứu sinh trước khi bắt đầu khóa học quy chế của cơ sở đào tạo và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu; quy định về quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh;

h) Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế của cơ sở đào tạo và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

2. Cơ sở đào tạo thực hiện giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Cơ sở giáo dục đào tạo có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của nghiên cứu sinh; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của nghiên cứu sinh theo quy định của Pháp luật hiện hành.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, cơ sở đào tạo báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá Luận án của cơ sở đào tạo trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm (theo mẫu

tại Phụ lục IV Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Cơ sở đào tạo phải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo;

a) Quy chế của cơ sở đào tạo và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với nghiên cứu sinh có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trước thời điểm Thông tư 08/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 có hiệu lực thi hành, cơ sở đào tạo Viện Chăn nuôi thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với nghiên cứu sinh có quyết định công nhận nghiên cứu sinh kể từ thời điểm Thông tư 08/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 có hiệu lực và trước thời điểm Thông tư 18/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 có hiệu lực thi hành, cơ sở đào tạo Viện Chăn nuôi thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 và áp dụng khoản 2 Điều 5, điểm a và khoản 1 Điều 14, điểm c của Quy chế này.

VIỆN TRƯỞNG

(đã ký)

Phạm Công Thiếu